

QUAN ĐIỂM TU THÂN CỦA NHO GIÁO VÀ SỰ KẾ THỪA, VẬN DỤNG CỦA HỒ CHÍ MINH TRONG VIỆC GIÁO DỤC RÈN LUYỆN ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG

LÊ KINH NAM^(*)

Nho giáo ra đời từ thời cổ đại ở Trung Quốc, là một học thuyết lớn với hệ thống những quan niệm về thế giới, xã hội và con người, đặc biệt Nho giáo nhấn mạnh về mặt đạo đức, đề cao vai trò của đạo đức trong sự phát triển lịch sử xã hội. Nho giáo du nhập vào Việt Nam từ rất sớm. Trước đây, Nho giáo được các triều đại phong kiến Việt Nam sử dụng trong việc củng cố chính quyền phong kiến, đào tạo con người, nó trở thành yếu tố nòng cốt của hệ tư tưởng phong kiến Việt Nam và đã để lại nhiều dấu ấn sâu sắc trong đời sống văn hóa tinh thần của dân tộc ta. Ngày nay, tuy cơ sở kinh tế-xã hội của Nho giáo không còn nữa, nhưng những yếu tố trong tư tưởng Nho giáo vẫn tồn tại và tiếp tục ảnh hưởng, tác động đến nhiều mặt của đời sống xã hội theo cả hướng tích cực và tiêu cực. Hồ Chí Minh đã kế thừa một số luận điểm trong tư tưởng đạo đức Nho giáo, trong đó, đặc biệt là quan điểm tu thân, nhưng nâng nó lên tầng cao mới tạo nên bản chất của tu thân trong việc rèn luyện đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên. Trong điều kiện hiện nay, chúng ta cần có sự chất lọc, kế thừa, phát huy những giá trị tích cực của nó sao cho phù hợp.

1. Quan điểm của Nho giáo về “tu thân”

Trong sách *Đại học*, Nho giáo coi việc tu thân là nhiệm vụ hàng đầu kể từ nhà vua cho đến dân thường: “Từ thiên tử đến thứ dân ai cũng phải lấy việc tu thân làm gốc” (Chu Hy, 1998, tr.18). Thế nào là tu thân? Điều này *Kinh, Truyện* của Nho giáo không có sẵn những phân giảng giải cụ thể, rành mạch. Khổng Tử và các học trò của ông chỉ có những câu nói rời rạc, tùy theo từng trường hợp cụ thể mà nêu lên những ý nghĩa khác nhau về tu thân. Tuy chưa đưa ra được một định nghĩa khái quát và có tính kinh điển nào về tu thân nhưng trong *Tứ thư*, nội dung cơ bản của tu thân đã được các nhà kinh điển Nho giáo Khổng Tử và Mạnh Tử nói đến. Trong chín điều kiện để làm việc quốc gia, thiên hạ, Khổng Tử đặt tu thân là điều kiện đầu tiên. Đó là: “Tu thân, tôn người hiền, thân người thân, kính các đại thần, thể tất công lao bề tôi, thương dân như con, thu hút các nhà công nghiệp, đối đãi mềm mỏng với các người phương xa và ưu ái chư hầu” (Chu Hy, 1998, tr.132).

(*) ThS., Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu.

Theo ông, “người quân tử không thể không tu thân mà muốn tu thân không thể không kính thờ cha mẹ” (Chu Hy, 1998, tr.132). Khổng Tử khẳng định rằng, nhân, trí, dũng là ba điều đạt đức của người quân tử trong thiên hạ, là những nội dung quan trọng của tu thân và tự sửa mình, là những điều thiết yếu đối với người quân tử trong việc trị người, trị nước: “Ham học là gần tới chỗ trí, biết gắng sức là gần tới chỗ nhân, biết sỉ nhục là gần tới chỗ dũng. Biết ba điều ấy là gần biết cách sửa mình. Biết cách sửa mình thì biết cách trị người. Biết cách trị người thì biết cách trị thiên hạ quốc gia vậy” (Chu Hy, 1998, tr.131).

Mặt khác, khi nói về đạo của người quân tử, Khổng Tử cho rằng: người quân tử “nên lấy lòng kính trọng mà sửa mình” (Chu Hy, 1998, tr.559). Sửa mình là từ trong suy nghĩ tới hành động đều phải tuân theo lễ kính, tích cực làm việc thiện, không làm điều càn quấy, vì “Người quân tử tự sửa mình, nhờ đó người ta được yên trị, nhờ đó trăm họ được yên trị” (Chu Hy, 1998, tr.559). Tu thân là phải biết chế ngự bản thân và làm theo lễ (khắc kỷ, phục lễ), nhất nhất mọi cái phải tuân theo lễ: “Sắc chi chẳng hợp lễ thì mình đừng nhìn, tiếng chi chẳng hợp lễ thì mình đừng nghe, lời chi chẳng hợp lễ thì mình đừng nói, việc chi chẳng hợp lễ thì mình đừng làm” (Chu Hy, 1998, tr.417).

Một trong những học trò xuất sắc của Khổng Tử là Tăng Tử rất coi trọng việc tu thân, sửa mình và coi đó là một việc làm hàng ngày: “Hàng ngày ta xét mình về ba điều này: làm việc gì cho ai, ta có hết lòng hay chẳng? Kết giao với bằng hữu, ta có tín thật hay chẳng? Đạo lý do thầy truyền dạy, ta có học tập hay chẳng?” (Chu Hy, 1998, tr.188). Ông luôn đề cao sự ngay thẳng trong suy

nghĩ và hành động, xem đó là cái lý tất yếu của đức dũng. Theo ông, nếu tự xét lấy mình thấy mình ngay thẳng không có điều gì tà khúc thì không có gì phải sợ hãi.

Khái niệm “tu thân” được Mạnh Tử hoàn thiện hơn, bằng cách thêm các nội dung mới. Ông đã đưa ra thuyết “tứ đoan” và yêu cầu sự tu dưỡng của con người phải làm theo những chuẩn mực đó. Mạnh Tử nói: “Lòng thương xót là mối đầu của đức nhân, lòng hổ thẹn là mối đầu của đức nghĩa, lòng khiêm nhường là mối đầu của đức lễ, lòng phải quấy là mối đầu của đức trí. Người ta tự nhiên có đủ bốn mối ấy nơi lòng, cũng như thân thể mình có đủ hai tay và chân vậy. Đã có đủ bốn mối thương xót, hổ thẹn, khiêm nhường và phải quấy ấy nơi lòng, thế mà lại nói rằng mình chẳng có thể làm theo những đức nhân, nghĩa, lễ, trí, đó là mình tự hại mình vậy” (Chu Hy, 1998, tr.841).

Theo Mạnh Tử, “tứ đoan” (bao gồm bốn đầu mối: trắc ẩn, tu ố, từ nhượng, thị phi) là những cái bẩm sinh, vốn có của con người, là cơ sở hình thành nên nhân, nghĩa, lễ và trí. Vì vậy, con người cần thiết phải thường xuyên tu dưỡng bốn đức tính ấy và có những đức tính ấy mới thể hiện được bản tính con người là thiện và là tiêu chuẩn để phân biệt con người khác với loài vật khác.

Qua sự phân tích trên, có thể hiểu rằng: *Tu* là sửa, *thân* là thân mình. Tu thân là tu sửa bản thân mình cho được ngay chính, hợp với đạo đức. Nho giáo coi tu thân là một quá trình tự trau dồi, tu dưỡng bản thân theo một hệ thống những chuẩn mực đạo đức cơ bản, đó là: nhân, lễ, nghĩa, trí, trung, tín, hiếu, để, thành, kính... nhằm hoàn thiện con người về mặt đạo đức. Nó đặt ra yêu cầu rất cao, đòi hỏi khát khe sự nỗ lực, phấn

đấu của mỗi người, sự thành thật nhận lỗi và sửa lỗi của họ. Thực hiện tốt những điều đó là đã hoàn thành việc tu thân và đạt tới mẫu người lý tưởng nhất mà Nho giáo đưa ra là bậc thánh nhân, là người quân tử.

Tuy tu thân là nhiệm vụ của mọi người, nhưng Nho giáo lại đặc biệt quan tâm đến việc học tập, tu dưỡng đạo đức của những người được gọi là quân tử. Bởi vì chỉ có người quân tử mới có thể học đạo, làm “toả đức sáng trong thiên hạ” và ra cầm quyền, trị thiên hạ được. Chính vì thế trong nội dung tu thân, Nho giáo đòi hỏi người quân tử phải kiên trì, nỗ lực, phấn đấu cao trong việc học đạo và sửa mình để trở thành những người có ích và giúp ích cho xã hội.

Vấn đề đặt ra là, người quân tử, theo Nho giáo, đã là mẫu người hoàn thiện về mặt đạo đức mà sao còn phải tu thân? Qua sự nhìn nhận và tìm hiểu thực tiễn xã hội đương thời, có thể thấy rằng, người quân tử có thể đảm đương những chức vị cao trong xã hội, cho nên bị ảnh hưởng bởi những nguy cơ: *Trước hết*, là lợi lộc dụ dỗ. *Tiếp đến*, do thế lực cường quyền áp chế. *Cuối cùng*, là sự thay đổi hoàn cảnh sống của bản thân.

Lợi lộc dụ dỗ, cường quyền uy hiếp, hoàn cảnh xô đẩy đã khiến nhiều người sa ngã, biến chất, điều này không ngoại trừ người quân tử. Hơn nữa, người quân tử phải phấn đấu hoàn thiện mình về mọi mặt mới thực hiện được vai trò của mình. Họ phải có hành vi đúng mực và là người mang danh vì đạo, vì nghĩa, mọi tư duy hành động của họ đều ảnh hưởng tới lý tưởng. Người quân tử cần phải xác lập được các chuẩn mực cho tư duy và hành động của mình. Đó là những lý do mà Nho giáo đề cao yêu cầu tu thân của người quân tử, người cầm quyền.

2. Hồ Chí Minh kế thừa, vận dụng quan điểm “tu thân” của Nho giáo trong việc giáo dục rèn luyện đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên

Ngay từ những thập niên đầu của thế kỷ XX, Hồ Chí Minh trong quá trình tìm đường cứu dân, cứu nước đã nắm bắt, khai thác được những giá trị, tinh hoa đạo đức mang đậm tính nhân văn, nhân bản sâu sắc trong tư tưởng của nhân loại, nhất là của Khổng Tử và Mạnh Tử; đồng thời kế thừa có chọn lọc sáng tạo vào cuộc đấu tranh chống thực dân xâm lược, nhằm đòi quyền tự do, bình đẳng cho các dân tộc thuộc địa. Người đã cho rằng những giá trị tư tưởng ấy như là tiền đề “lý do lịch sử cho phép chủ nghĩa cộng sản thâm nhập dễ dàng hơn là châu Âu” (Phạm Đình Đạt, 2009, tr.35).

Đối với những phạm trù mang tính nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức của Nho gia từ lâu đã thâm nhập vào đời sống đạo đức con người Việt Nam như nhân, nghĩa, lễ, trí, dũng cũng được Người kế thừa, phát triển, nâng lên tầm cao mới bằng việc bổ sung vào những nội dung mới. Hồ Chí Minh nói: *Nhân* là “thật thà thương yêu, hết lòng giúp đỡ đồng chí và đồng bào”. *Nghĩa* là “ngay thẳng, không có tư tâm, không làm việc bậy, không có việc gì phải giấu Đảng”. *Trí* là “vì không có việc tư túi nó làm mù quáng, cho nên đầu óc trong sạch, sáng suốt. Dễ hiểu lý luận. Dễ tìm phương hướng. Biết xem người. Biết xét việc”. Nhưng muốn thực hiện được nhân, nghĩa, lễ, trí yêu cầu phải có dũng. Bởi *dũng* là “dũng cảm, gan góc, gặp việc phải có gan làm. Thấy khuyết điểm có gan sửa chữa. Cực khổ khó khăn, có gan chịu đựng. Có gan chống lại những vinh hoa, phú quý, không chính đáng. Nếu cần, thì có gan hy sinh cả tính mạng cho Đảng, cho tổ quốc, không bao giờ rút rè,

nhút nhát” (Hồ Chí Minh Toàn tập, 2004, Tập 5, tr.251-252). Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo những quan điểm tích cực đó để khẳng định, trong bất kỳ hoàn cảnh nào, người cán bộ cũng phải thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện đạo đức và xem đạo đức là cái gốc của người cán bộ cách mạng.

Từ thực tiễn đấu tranh cách mạng, giành độc lập, dân tộc, dân chủ cũng như trong quá trình xây dựng CNXH ở nước ta hiện nay cho thấy, người cán bộ trước hết phải có đạo đức và tu dưỡng đạo đức, không tu dưỡng đạo đức thì không thể lãnh đạo được nhân dân. Như Hồ Chí Minh đã từng nói: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân” (Hồ Chí Minh Toàn tập, 2004, Tập 5, tr.253).

Theo Hồ Chí Minh, người “có tài mà không có đức là vô dụng”. Như vậy, đạo đức và sự tu dưỡng đạo đức là nền tảng, là cái gốc của người cán bộ. Tu thân cũng chính là tu dưỡng đạo đức cá nhân. Trong Nho giáo, người quân tử phải “chính tâm”, muốn trị được thiên hạ thì người quân tử phải có “đức nhân”, phải chính trực, có nghĩa khí. Cũng như cán bộ muốn lãnh đạo được nhân dân thì phải có tình yêu thương con người, phải gương mẫu, như Hồ Chí Minh nói: “Tự mình phải chính trước mới giúp được người khác chính, mình không chính mà muốn giúp người khác chính là vô lý” (Hồ Chí Minh Toàn tập, 2004, Tập 5, tr.664). Sự tu thân của con người, theo Nho giáo, là từ gia đình cho đến xã hội và phải theo những chuẩn mực nhất định, mà chủ yếu là “tam cương”, “ngũ thường”. Trong quan hệ gia đình, thì

cha con phải giữ đạo “hiếu”, vợ chồng phải lấy “nghĩa” làm trọng, anh em phải giữ chữ “đề”.

Ngoài quan hệ gia đình, gia tộc, những người cầm quyền còn có các mối quan hệ xã hội khác như quan hệ với bề trên (cao nhất là vua) và với dân. Trong quan hệ với bề trên, Nho giáo luôn yêu cầu người quân tử cầm quyền phải giữ được “đức trung” và “đức kính”, nhưng “đức trung” và “đức kính” phải phù hợp với đạo “trung dung”, không thái quá và cũng không bất cập, phải “chính danh”. Cũng như cán bộ muốn được mọi người tôn trọng thì “danh” phải đi với “phận”, “danh” phải đi liền với “thực”; phẩm chất phải đi đôi với năng lực.

Theo Khổng Tử: “Danh không chính thì lời nói chẳng thuận, lời nói không thuận thì việc chẳng nên, việc không nên thì lễ nhạc chẳng hưng vượng, lễ nhạc không hưng vượng thì hình phạt chẳng trúng, hình phạt không trúng ắt dân không biết xử trí ra sao” (Chu Hy, 1998, tr.498-499). Ngày nay, phẩm chất, năng lực mà không phù hợp với chức vụ, trách nhiệm của mình thì không thể làm gương trước nhân dân, không có vai trò gì với nhân dân và do vậy mà, nhiệm vụ của họ không thể thành công được và trên thực tế họ không còn lòng tin của dân. Trong cơ quan Đảng, chính quyền và các tổ chức chính trị xã hội khác cũng vậy, “chính danh” đòi hỏi cấp dưới phải phục tùng cấp trên, không được vây bè, kéo cánh làm mất đoàn kết nội bộ.

Trong quan điểm tu thân của Nho giáo, tu thân thì phải “khắc kỷ”, có nghĩa là tiết chế, hạn chế ham muốn, dục vọng, “phục lễ” là làm cho đúng lễ (lễ là những quy định mà mọi người cho là đúng và nghe theo để giữ đúng vị trí từng người trong tương quan giữa mọi người; tùy theo “phận vị” mà mỗi người

được phép làm gì, nói gì,..) (Trần Đình Hượu, 2001, tr.220). “Khắc kỷ, phục lễ” có nghĩa là phải đưa bản thân mình vào khuôn phép thực hiện những quy định theo lễ. Theo đó, người cán bộ cũng phải tự rèn luyện mình, gương mẫu thực hiện mọi chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước và có như vậy mới thành người có đạo đức cách mạng.

Theo Người, trong mọi phong trào, mọi nhiệm vụ, đảng viên đều phải tiên phong, gương mẫu làm trước, tiến trước để quần chúng noi theo. Sự gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên có vai trò rất to lớn để biến đường lối, chủ trương của Đảng thành hiện thực. Người nhấn mạnh: “Người đảng viên - dù công tác to hay nhỏ, địa vị cao hay thấp - ở đâu cũng phải làm gương mẫu cho quần chúng... Muốn cho quần chúng nghe lời mình, làm theo mình, thì người đảng viên, từ việc làm, lời nói đến cách ăn ở đều phải gương mẫu” (Hồ Chí Minh Toàn tập, 2004, Tập 6, tr.189).

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn yêu cầu phải nêu gương, trước hết về đạo đức cho tất cả cán bộ, đảng viên. Bởi theo Người: “Một trăm bài diễn thuyết hay không bằng một tấm gương sống” và “Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước” (Hồ Chí Minh Toàn tập, 2004, Tập 4, tr.84).

Theo Hồ Chí Minh, người cách mạng thì phải có đạo đức cách mạng, nhưng đạo đức cách mạng không phải tự nhiên mà có mà phải tự trau dồi, tự rèn luyện bên bờ hàng ngày: “Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống, nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng,

vàng càng luyện càng trong” (Hồ Chí Minh Toàn tập, 2004, Tập 7, tr.293). Thực chất việc tu thân trong Nho giáo là “sửa mình” cho ngay chính. Đối với cán bộ ta ngày nay đó chính là công tác “tự phê bình”, tự kiểm điểm công việc của mình, để tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cá nhân cho phù hợp với phẩm chất đạo đức cách mạng.

Hồ Chí Minh nói: “Đạo đức cách mạng là không phải đạo đức thủ cựu. Nó là đạo đức mới, đạo đức vĩ đại, nó không phải vì danh vọng của cá nhân, mà vì lợi ích của Đảng, của dân tộc và của loài người” (Hồ Chí Minh Toàn tập, 2004, Tập 12, tr.288). Đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên, theo Hồ Chí Minh, “là bất kỳ khó khăn đến mức nào cũng kiên quyết làm đúng chính sách và nghị quyết của Đảng, làm gương mẫu cho quần chúng. Mọi đảng viên phải nâng cao tinh thần trách nhiệm trước nhân dân, trước Đảng; phải ngăn ngừa và kiên quyết chống lại chủ nghĩa cá nhân” (Hồ Chí Minh Toàn tập, 2004, Tập 9, tr.288).

Theo quan điểm Hồ Chí Minh, là cán bộ, công chức nhà nước thì dù ít, dù nhiều đều có quyền hành. Cấp cao thì quyền to, cấp thấp thì quyền nhỏ. Có quyền mà thiếu lương tâm, không chịu tu dưỡng rèn luyện thì dễ trở nên hủ bại, dễ biến thành sâu mọt, dễ “dĩ công vi tư”. Vì vậy, tham nhũng theo Hồ Chí Minh là căn bệnh của những người có quyền lực, lạm dụng quyền lực cộng với lòng tham để những nhiều dân. Muốn chống tham nhũng, phải chống cả xa xỉ, vì xa xỉ mà sinh ra tham nhũng. Mà chống tham nhũng trước hết là chống tham quyền. Chống suy thoái về đạo đức, đặc biệt phải tập trung chống chủ nghĩa cá nhân. Bởi vì chủ nghĩa cá nhân là một loại giặc, đồng minh với các loại

giặc khác. Muốn chống các loại giặc khác, trước hết phải chống giặc trong lòng, tức chủ nghĩa cá nhân. Chủ nghĩa cá nhân là một trở lực nguy hiểm trên con đường xây dựng CNXH, là đối lập với CNXH. Vì vậy, thắng lợi của CNXH không thể tách rời thắng lợi của cuộc đấu tranh trừ bỏ chủ nghĩa cá nhân.

Như vậy, trong quá trình ra đi tìm đường cứu nước, cứu dân và lãnh đạo cách mạng, Hồ Chí Minh đã làm giàu trí tuệ của mình bằng việc vừa tiếp thu, vừa gạn lọc vốn tri thức nhân loại cả Đông và Tây; đặc biệt những giá trị mang tính nhân văn, nhân bản sâu sắc trong học thuyết Nho gia nói chung và trong quan điểm tu thân nói riêng. Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã từng viết: “Hồ Chí Minh đã tiếp thu Khổng giáo, nhưng tiếp thu một cách có phê phán, chọn lấy cái tinh hoa, loại bỏ những yếu tố thủ cựu, tiêu cực, biến đạo đức thủ cựu ấy thành đạo đức cách mạng” (Võ Nguyên Giáp, 1993, tr.29).

Trong hoàn cảnh xã hội Việt Nam, chịu ảnh hưởng sâu sắc của tư tưởng đạo đức Nho giáo, việc sử dụng những luận điểm của Nho giáo để đưa vào những nội dung đạo đức mới là cách thức sáng tạo của Hồ Chí Minh. Những chuẩn mực đạo đức mà Người đưa ra luôn là những phẩm chất cơ bản cần có đối với cán bộ, đảng viên.

Hiện nay chúng ta đang tích cực đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế. Kinh tế thị trường, ngoài những tác động tích cực còn có mặt trái của nó, ảnh hưởng tới nhân cách, đạo đức, lối sống con người; có thể làm cho con người phát triển một cách phiến diện, chạy theo lối sống thực dụng vì lợi ích cá nhân. Những mặt tiêu cực đó cũng đã ảnh hưởng không nhỏ đến bộ phận quần

chúng nhân dân mà trong đó có cả bộ phận cán bộ, đảng viên đã suy thoái về đạo đức, lối sống.

Chính vì lẽ đó, đòi hỏi cán bộ phải luôn giữ gìn lối sống trong sáng, “là người giàu có không thể quyến rũ, nghèo khổ không thể chuyển lay, uy lực không thể thuyết phục”. Là người “cần, kiệm, liêm, chính. Chí công vô tư” và “trung với nước, hiếu với dân”, hết lòng hết sức phục vụ nhân dân. Muốn vậy cán bộ, đảng viên cần phải gương mẫu trong việc “tu thân” để nâng cao đạo đức cách mạng, để không bị tha hóa trước mặt trái của cơ chế thị trường làm xói mòn đạo đức, góp phần xây dựng một xã hội - xã hội chủ nghĩa phồn vinh, hạnh phúc □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Đình Đạt (2009), *Học thuyết tính thiện của Mạnh Tử với việc giáo dục đạo đức ở nước ta hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Trần Đình Hượu (2001), *Các bài giảng về tư tưởng phương Đông*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Chu Hy (1998), *Tứ thư tập chú*, Dịch và chú giải Nguyễn Đức Lâm, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
4. Đào Duy Quát (2004), *Về vấn đề giáo dục đạo đức cách mạng trong cán bộ đảng viên hiện nay thực trạng và giải pháp*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Hồ Chí Minh, *Toàn tập* (2004), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Võ Nguyên Giáp (1993), *Tư tưởng Hồ Chí Minh - quá trình hình thành và phát triển*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.